ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 641 /QĐ-ĐHQGHN	*Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4033/QĐ-ĐHQGHN ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo được quy hoạch cho giai đoạn 2021-2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hóa và truyền thông xuyên quốc gia (ngành đào tạo thí điểm).

Điều 2. Giao cho Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức đào tạo trình độ đại học ngành Văn hóa và truyền thông xuyên quốc gia theo đúng Quy chế đào tạo đại học tại

Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Sau hai khóa đào tạo, Trường Đại học Ngoại ngữ tổng kết, triển khai kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, tổ chức khảo sát, đánh giá chương trình đào tạo, công tác tổ chức đào tạo, chất lượng đào tạo và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và đào tạo (để báo cáo);
- Giám đốc ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT, Đ5.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Hải

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THÔNG XUYÊN QUỐC GIA
(Ngành đào tạo thí điểm)

(Ban hành theo Quyết định số 641 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về ngành đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Văn hóa và Truyền thông xuyên quốc gia

Tiếng Anh: Transnational Cultural and Media Studies

- Mã số ngành đào tạo: đề xuất 7220212QTD

- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Văn hóa và Truyền thông xuyên quốc gia

Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Transnational Cultural and Media Studies

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của CTĐT

- Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) Văn hóa và Truyền thông xuyên quốc gia đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành văn hóa, truyền thông, có năng lực tiếng Anh bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Được đào tạo theo triết lý giáo dục khai phóng, người học phát triển kiến thức liên ngành ngôn ngữ, văn hóa-xã hội, báo chí-truyền thông và khoa học phát triển từ góc nhìn lịch sử, nắm vững các xu hướng văn hóa, truyền thông địa phương, khu vực, và toàn cầu để có thể tiến hành *nghiên cứu, phân tích, đánh giá và tạo lập các hiện tượng và sản phẩm văn hóa, truyền thông*; có khả năng *sử dụng thành thạo kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ*

thông tin (CNTT) và các kỹ năng của thế kỷ 21 để xây dựng và xử lý các sản phẩm truyền thông; *có tư duy toàn cầu, khả năng dẫn dắt, lãnh đạo về chuyên môn, tự định hướng chuyên môn và không ngừng học tập* để phát triển bản thân.

- Mục tiêu cụ thể:

CTĐT cử nhân Văn hóa và Truyền thông xuyên quốc gia đặt các mục tiêu cụ thể như sau:

i. Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh ở bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và khuyến khích có thêm một ngoại ngữ khác ở bậc 3;

ii. Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực vận dụng kiến thức liên ngành ngôn ngữ, văn hóa-xã hội, báo chí-truyền thông và khoa học phát triển từ góc nhìn lịch sử để thực hành nghề nghiệp một cách sáng tạo;

iii. Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực nghiên cứu, phân tích, đánh giá và tạo lập các hiện tượng, sản phẩm văn hóa và truyền thông;

iv. Người học sau khi tốt nghiệp tích lũy các kỹ năng nghề nghiệp, nắm vững các xu hướng văn hóa, truyền thông địa phương, khu vực và toàn cầu để định hướng và thực hành nghề nghiệp;

v. Người học sau khi tốt nghiệp có kỹ năng ứng dụng thành thạo CNTT và các kỹ năng của thế kỷ 21 trong công việc;

vi. Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự đào tạo và phát triển: Có tư duy toàn cầu, khả năng dẫn dắt, lãnh đạo về chuyên môn, không ngừng học tập để phát triển bản thân.

3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh:

Trường ĐHNN, ĐHQGHN tiến hành tuyển sinh CTĐT Văn hóa và Truyền thông xuyên quốc gia bằng các phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, xét tuyển bằng chứng chỉ ngoại ngữ, xét tuyển bằng kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN và xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- *Xét tuyển đợt 1*: đối với tất cả các thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào CTĐT Văn hóa và Truyền thông xuyên quốc gia thực hiện theo lịch trình và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN và thông báo của Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

- *Xét tuyển đợt 2 (nếu còn chỉ tiêu):* điều kiện xét tuyển như xét tuyển đợt 1.

Thí sinh cần đáp ứng trình độ tiếng Anh bậc 4 hoặc tương đương hoặc kết quả thi THPT môn Tiếng Anh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Bộ Giáo dục đào tạo và Đại học quốc gia Hà Nội quy định.

Phương thức tuyển sinh chính thức sẽ được thực hiện theo văn bản hướng dẫn tuyển sinh hàng năm của ĐHQGHN.

- Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước đều có thể đăng ký tham gia dự tuyển vào CTĐT theo các tổ hợp xét tuyển Trường ĐHNN, ĐHQGHN công bố. Cụ thể:

- Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định.

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học, là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Chủ tịch HĐTS xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khoẻ.

- Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, dự bị đại học xét tuyển bằng các chứng chỉ ngoại ngữ, kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, của ĐHQGHN và theo Đề án tuyển sinh đại học chính quy của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 50 SV (trình độ tiếng Anh bậc 4 hoặc tương đương hoặc kết quả thi THPT môn Tiếng Anh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội quy định).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức:

1.1. Kiến thức chung:

- *C1: Vận dụng* được vào thực tiễn học tập và cuộc sống hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin để có nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng; *vận dụng* được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam để có giác ngộ chính trị và lập trường giai cấp vững vàng;
- *C2: Ứng dụng* được các kiến thức tin học nâng cao, kiến thức về CNTT và truyền thông để khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại nhằm phục vụ công việc;
- *C3: Vận dụng* được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục-thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương;
- *C4: Hiểu* rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- *C5: So sánh được về* địa lý, xã hội, thể chế chính trị của Việt Nam và các nước trong khu vực và một số khu vực trên thế giới và thể hiện được các kiến thức đó bằng tiếng Anh;
- *C6: Phân biệ*t được các đường hướng cơ bản trong nghiên cứu về văn hóa, xã hội, và *đánh giá* được các xu hướng truyền thông thông qua phân tích định lượng;
- *C7: Vận dụng các kiến thức* về các dạng thức truyền thông để *đánh giá* sản phẩm truyền thông cơ bản.

1.3. Kiến thức theo khối ngành

- *C8: Vận dụng* được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó hình thành lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam;

- *C9: Vận dụng sáng tạo* những hiểu biết về văn hóa các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước nói tiếng Anh và các nước trong khu vực ASEAN trong tương quan với văn hóa Việt Nam trong giao tiếp, công việc và cuộc sống;
- *C10: Vận dụng* các tri thức văn hoá - xã hội, nghệ thuật, tâm lý học, logic học để phát triển năng lực tư duy phê phán, tư duy cảm xúc, năng lực giao tiếp và hình thành phương pháp học tập ngoại ngữ có hiệu quả;
- *C11: Tạo lập* một số sản phẩm truyền thông đơn giản dựa trên các hiểu biết về các loại hình sản phẩm truyền thông.

1.4. Kiến thức nhóm ngành

- *C12: Vận dụng thuần thục* các kiến thức về Ngôn ngữ học Anh (ngữ âm, hình vị, cú pháp, ngữ nghĩa, dụng học tiếng Anh, diễn ngôn, .v.v.) trong các hoạt động chuyên môn;
- *C13: Vận dụng linh hoạt* các kiến thức về văn hóa, xã hội, thể chế chính trị, hệ thống giáo dục, tác phẩm văn học, .v.v của các nước nói tiếng Anh và các nước trong khu vực, cũng như các kiến thức về các hiện tượng và xu thế toàn cầu hóa để có thể khai thác linh hoạt, phù hợp và hiệu quả trong công tác chuyên môn;
- C14: Phát triển kiến thức nền trên diện rộng về các vấn đề phát triển toàn cầu, các vấn đề mang tính xuyên quốc gia như quốc gia dân tộc, chủ nghĩa tiêu dùng, chủ nghĩa tân tự do, hợp tác quốc tế, quyền con người, di cư, nhập cư, văn hóa, danh tính, giới.

1.5. Kiến thức ngành

- *C15: Đánh giá có phản biện* và *phát triển tư duy* lịch sử về các hình thức và hiện tượng truyền thông truyền thống (như báo chí, phát thanh, truyền hình, điện ảnh) và đương đại (như các nền tảng mạng xã hội, công nghệ kỹ thuật số);
- *C16: Hiểu* về tính thể loại của các loại hình truyền thông, các vấn đề về quyền lực, văn hóa của truyền thông, làm cơ sở phát triển khả năng vận dụng để phân tích, đánh giá, xây dựng các sản phẩm truyền thông;
- *C17: Đánh giá* các sản phẩm và dạng thức truyền thông khác nhau và ảnh hưởng của chúng tới bản sắc, sự bình đẳng, sự đa dạng trong mối quan hệ với công nghệ, thể loại, và văn hóa từ góc nhìn lịch sử.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng:

2.1. Kĩ năng chuyên môn

- *C18*: Có các kỹ năng sử dụng Tiếng Anh đạt mức độ thành thạo tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để giao tiếp hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc trong môi trường làm việc có tính quốc tế hóa cao, khai thác hiệu quả tiếng Anh (cùng với tiếng Việt và các ngoại ngữ khác, nếu có) phục vụ các hoạt động học tập suốt đời;
- *C19*: Kỹ năng nhận thức, lập luận, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tư duy phản biện để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng, sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi;
- *C20*: Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, làm nền tảng hình thành kỹ năng học tập suốt đời;
- *C21*: Kỹ năng sử dụng những công cụ, nền tảng phù hợp để tạo một số sản phẩm truyền thông (như video, vlog, podcast, áp phích),;
- *C22*: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc chuyên môn về văn hóa và truyền thông sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- *C23*: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- *C24*: Các kỹ năng bổ trợ như lập kế hoạch công việc, xác định và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, giao tiếp trong môi trường đa văn hoá, khả năng linh hoạt, thích ứng cao trong môi trường sống và làm việc cạnh tranh và thay đổi và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ công việc và cuộc sống;
- *C25*: Kỹ năng quản lý công việc và lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ 2, và các kỹ năng bổ trợ khác.

3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- *C26*: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- *C27*: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- *C28*: Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

4. Phẩm chất đạo đức

4.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của SV trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng;
- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc;

Các phẩm chất đạo đức cá nhân cốt lõi của SV sau khi tốt nghiệp gồm:

- **Nhân ái**: Khoan dung, cảm thông, chia sẻ, cởi mở với mọi người.
- **Năng động**: Nhiệt tình, chủ động, say mê sáng tạo trong công việc và trong cuộc sống; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc; có khả năng dấn thân.
- **Tự tin**: Hiểu rõ năng lực bản thân, dám đương đầu với rủi ro, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; kiên trì, nhẫn nại; biết kiềm chế, điều tiết cảm xúc và tìm sự cân bằng trong cuộc sống; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

4.2 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn;
- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng; có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp;
- Biết quản lí thời gian, kĩ năng thích ứng, kĩ năng học và tự học, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kĩ năng phân tích, tổng hợp;
- Biết ứng xử tốt, thân thiện, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.

4.3 Phẩm chất đạo đức xã hội

- Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân. Có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- **Lĩnh vực truyền thông:** biên tập viên, nhân sự phụ trách xây dựng nội dung truyền thông, cán bộ truyền thông, v.v
- **Lĩnh vực hợp tác quốc tế:** cán bộ hợp tác quốc tế, cán bộ phụ trách văn hóa, cán bộ quản lý dự án
- **Lĩnh vực nghiên cứu quốc tế:** nghiên cứu viên về văn hóa, ngôn ngữ, quốc tế học
- **Lĩnh vực giáo dục:** giáo viên, phụ trách đào tạo, truyền thông tại các cơ sở giáo dục
- **Lĩnh vực dịch thuật:** biên dịch viên, phiên dịch viên

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân tốt nghiệp CTĐT Văn hóa và Truyền thông XQG có kỹ năng học tập suốt đời, có khả năng tự học tập về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến công việc về truyền thông-báo chí, ngôn ngữ, văn hóa, dịch thuật, các công việc văn phòng, các công tác nghiên cứu và giảng dạy.

Cử nhân ngành Văn hóa và Truyền thông XQG có cơ hội học lên bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học, văn hóa, báo chí, truyền thông, quốc tế học, nghiên cứu phát triển, quan hệ quốc tế. Tại Trường ĐHNN, ĐHQGHN, cử nhân tốt nghiệp CTĐT Văn hóa và Truyền thông XQG có thể tiếp tục học CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh.

Có thể khái quát chuẩn đầu ra (CĐR) về kiến thức, kĩ năng, phẩm chất thái độ, vị trí việc làm của cử nhân CTĐT Văn hóa và Truyền thông XQG như sau:

Mã CĐR	Nội dung CĐR
1	**Năng lực chung**
PO 1	Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội nhân văn và khoa học tự nhiên cơ bản, chính trị và pháp luật, và thế giới quan đương đại vào hoạt động học tập suốt đời, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp;
PO 2	Vận dụng kiến thức về đất nước, ngôn ngữ và văn hóa các quốc gia và khu vực trên thế giới để đưa ra những phân tích, đánh giá trong tương quan với ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam;

PO 3	Sử dụng hiệu quả các năng lực của thế kỷ 21 (hợp tác, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng CNTT, quản lý công việc và thời gian, lãnh đạo và quản lý sự thay đổi, sáng tạo và đổi mới) trong hoạt động học tập, nghề nghiệp và cuộc sống; đạt trình độ CNTT theo quy định;
PO 4	Sử dụng thành thạo tiếng Anh ở bậc 5 hoặc cao hơn theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngoại ngữ.
2	**Năng lực nghề nghiệp**
PO 5	***Đánh giá*** các hiện tượng văn hóa, truyền thông của địa phương, khu vực và toàn cầu dựa trên nền tảng kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và kiến thức nền về truyền thông, văn hóa-xã hội, khoa học phát triển và quốc tế học;
PO 6	***Đánh giá*** các sản phẩm và dạng thức truyền thông khác nhau và ảnh hưởng của chúng tới bản sắc, sự bình đẳng, sự đa dạng trong mối quan hệ với công nghệ, thể loại, và văn hóa từ góc nhìn lịch sử;
PO 7	***Xây dựng*** các sản phẩm và tình huống truyền thông phục vụ các công việc liên quan đến chuyên môn truyền thông, đối ngoại, báo chí quốc tế, và phát triển;
PO 8	***Tiến hành một dự án nghiên cứu*** trong chuyên ngành dựa trên việc vận dụng tổng hợp kiến thức về văn hóa, xã hội và phương pháp nghiên cứu văn hóa, truyền thông, quốc tế học;
PO 9	Có khả năng tự cập nhật kiến thức, kỹ năng để nâng cao trình độ, hay học tiếp ở bậc cao hơn trong chuyên ngành Quốc tế học, Nghiên cứu phát triển, Quan hệ quốc tế, Báo chí - truyền thông và các chuyên ngành liên quan (Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh).
3	**Tự chủ và trách nhiệm**
PO 10	Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong các điều kiện khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và có trách nhiệm đối với nhóm;
PO 11	Tự định hướng các hoạt động học tập và thực hành nghề nghiệp, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm một cách logic, khoa học và thuyết phục;

PO 12	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động học tập và thực hành nghề nghiệp.
4	**Phẩm chất nghề nghiệp**
PO 13	Tôn trọng sự khác biệt, sự đa dạng văn hoá; có ý thức trách nhiệm đóng góp cho tổ chức và cho xã hội với tư cách là một công dân văn hoá;
PO 14	Có tư duy mở, linh hoạt vận dụng các kỹ năng và kiến thức nghề nghiệp để thích ứng với sự đa dạng văn hoá, cũng như những thay đổi trong môi trường công việc và trong xã hội, có khả năng dẫn dắt trong các hoạt động chuyên môn;
PO 15	Có ý thức rèn luyện tính chuyên nghiệp cao: tuân thủ các quy định của nghề nghiệp, có cam kết với công việc, không ngừng chiêm nghiệm để cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc, vận dụng linh hoạt các quy tắc giao tiếp, giải quyết vấn đề trong môi trường công việc.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh là 138 tín chỉ, chia thành 5 khối như sau:

		Tổng số tín chỉ	
I	**Khối kiến thức chung** (không tính GDTC và GDQP&AN)	**24**	
	Bắt buộc (không tính GDTC và GDQP&AN)		**24**
II	**Khối kiến thức chung theo lĩnh vực**	**15**	
	Bắt buộc		9
	Tự chọn		6
III	**Khối kiến thức theo khối ngành**	**12**	
	Bắt buộc		9
	Tự chọn		3
IV	**Khối kiến thức theo nhóm ngành**	**42**	
IV.1	**Khối kiến thức tiếng**		18
	Bắt buộc		12
	Tự chọn		6
IV.2	**Khối kiến thức Ngôn ngữ, Văn hóa & Truyền thông**		24
	Bắt buộc		9
	Tự chọn		15
V	**Khối kiến thức ngành**	**45**	
	Bắt buộc		15
	Tự chọn		21
	Thực tập và khóa luận TN/hoặc 2 môn thay thế		9
	Tổng	**138**	

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	***Thực hành***	***Tự học***	
I Khối kiến thức chung (không tính các học phần 9,10)			**24**				
I.1	***Bắt buộc***	(không tính các học phần 9,10)	24				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin *Marxist-Leninist Philosophy*	3	30	15		T.Việt
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác –Lênin *Political Economics of Marxism and Leninism*	2	20	10		T.Việt
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học *Scientific Socialism*	2	20	10		
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		T.Việt

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
		Ho Chi Minh Ideology					
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *History of Vietnamese Communist Party*	2	20	10		T.Việt
6	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương *General theory of state and law*	2	20	5	5	T.Việt
7		Kỹ năng bổ trợ *Soft skills*	3	15	30		T.Việt
8	INT1004	Tin học cơ sở *General Informatics*	3	27	15	3	T.Việt
9		Giáo dục thể chất *Physical Education*	*4*				T.Việt
10		Giáo dục quốc phòng–an ninh *National Defence Education*	*8*				T.Việt
11		Ngoại ngữ 2 (chọn 1 trong số các HP từ 11.1 đến 11.6)	5				
11.1	FLF1307B	Tiếng Pháp B1 *General French B1*	5	30	45		T.Pháp
11.2	FLF1407B	Tiếng Trung Quốc B1 *General Chinese B1*	5	30	45		T.TQuốc
11.3	FLF1507B	Tiếng Đức B1 *General German B1*	5	30	45		T.Đức
11.4	FLF1607B	Tiếng Nhật B1 *General Japanese B1*	5	30	45		T.Nhật
11.5	FLF1707B	Tiếng Hàn Quốc B1 *General Korean B1*	5	30	45		T.Hàn
11.6	FLF1907B	Tiếng Thái Lan B1 *General Thai B1*	5	30	45		T. Thái
II Khối kiến thức chung theo lĩnh vực			**15**				
II.1	**Bắt buộc**		**9**				
12	FLF1017	Tư duy định lượng trong phân tích văn hóa xã hội *Quantitative Reasoning for Social Purposes*	3	10	30	5	T.Anh
13	FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc đại học *Skills for University Success*	3	10	30	5	T.Việt
14	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp *Innovative and Entrepreneurial Mindset*	3	10	30	5	T.Việt
II.2	***Tự chọn***		***6/12***				
15	ENG1001B	Địa lý đại cương *General Geography*	3	27	15	3	T.Anh
16	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu *Understanding European Community*	3	30	10	5	T.Việt
17	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á *Understanding Asian Community*	3	27	15	3	T.Việt

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
18	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội *Emotional Intelligence and Social Communication*	3	10	30	5	T.Việt
III	**Khối kiến thức theo khối ngành**		**12**				
III.1	**Bắt buộc**		**9**				
19	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam *Introduction to Vietnamese Culture*	3	30	10	5	T.Việt
20	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN *Introduction to Southeast Asian Cultures*	3	27	15	3	T.Anh
21	ENG3112	Truyền thông thị giác *Visual Communication*	3	27	15	3	T.Anh
III.2		***Tự chọn***	***3/18***				
22	PHI1051**	Logic học đại cương *General Logics*	3	27	15	3	T.Việt
23	PSF1050	Tâm lý học đại cương *General Psychology*	3	27	15	3	T.Việt
24	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật *Artistry*	3	27	15	3	T.Việt
25	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới *History of World Civilization*	3	27	15	3	T.Việt
26	FLF1055	Cổ học tinh hoa *The Quintessence of Ancient History*	3	27	15	3	T.Việt
27	FLF1058	Thiết kế sản phẩm truyền thông *Making Media*	3	15	27	3	T.Anh
IV Khối kiến thức theo nhóm ngành			**42**				
IV.1 Khối kiến thức tiếng			**18**				
		Bắt buộc	12				
28	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2 *Academic English 2*	3	10	30	5	T.Anh
29	ENG2050	Tiếng Anh Xã hội 2 *Social English 2*	3	10	30	5	T.Anh
30	ENG2065	Viết luận đại học *College Composition*	3	10	30	5	T.Anh
31	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng *Public Speaking*	3	10	30	5	T.Anh
		Tự chọn	***6/15***				
32	ENG2048	Tiếng Anh Xã hội 1 *Social English 1*	3	10	30	5	T.Anh
33	ENG2049	Tiếng Anh học thuật 1 *Academic English 1*	3	10	30	5	T.Anh
34	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1 *English for contemporary themes 1*	3	10	30	5	T.Anh
35	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2 *English for contemporary themes 2*	3	10	30	5	T.Anh
36	ENG2073	Biên tập văn bản *Text editing*	3	10	30	5	T.Anh

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
IV.2.1 Khối kiến thức Ngôn ngữ, Văn hóa & Truyền thông			**24**				
IV.2.1 Bắt buộc			**9**				
37	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1 *English Linguistics 1*	3	27	15	3	T.Anh
38	ENG2052	Đất nước học Anh-Mỹ *Introduction to British and American Studies*	3	27	15	3	T.Anh
39	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa *Intercultural Communication*	3	27	15	3	T.Anh
IV.2.2 Tự chọn			***15***				
IV.2.2.1 Nhóm học phần Ngôn ngữ &Văn hóa			***3/21***				
40	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2 *Introduction to Linguistics 2*	3	27	15	3	T.Anh
41	ENG2058	Ngôn ngữ học xã hội *Sociolinguistics*	3	27	15	3	T.Anh
42	ENG3057	Ngữ nghĩa học *Semantics*	3	27	15	3	T.Anh
43	ENG3077	Văn học và giao tiếp *Literature and Communication*	3	10	30	5	T.Anh
44	ENG3056	Ngôn ngữ, Xã hội và Văn hóa *Language, Society and Culture*	3	27	15	3	T.Anh
45	ENG2060	Phân tích diễn ngôn *Discourse Analysis*	3	10	30	5	T.Anh
46	ENG2057	Ngữ dụng học *Pragmatics*	3	10	30	5	T.Anh
IV.2.2.2 Nhóm học phần Báo chí và Truyền thông			***6/12***				
47	ENG2082	Truyền thông xuyên quốc gia và các văn hóa số *Transnational Media and Digital Cultures*	3	27	15	3	T.Anh
48	ENG2079	Các lịch sử marketing và quảng cáo *Histories of Advertising & Marketing*	3	27	15	3	T.Anh
49	ENG2080	Chủ đề phê bình phim *Topics in Film Studies*	3	27	15	3	T.Anh
50	ENG3029	Báo chí trực tuyến *Online Journalism*	3	27	15	3	T.Anh
IV.2.2.3 Nhóm học phần Phát triển toàn cầu			***6/12***				
51	ENG2075	Các tổ chức quốc tế *International Organization*	3	27	15	3	T.Anh
52	ENG3100	Phát triển bền vững *Sustainable Development*	3	27	15	3	T.Anh
53	ENG3123	Lịch sử & chính trị của các bản sắc xã hội *History & Politics of Identity*	3	27	15	3	T.Anh
54	ENG2081	Du lịch & các biểu tượng văn hóa *Tourism & Cultural Symbolism*	3	27	15	3	T.Anh
V. Khối kiến thức ngành			**45**				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
V.1 Bắt buộc			**15**				
55	ENG3110	Toàn cầu hóa và sự hình thành các xã hội đương đại *Globalization and the formation of contemporary societies*	3	27	15	3	T.Anh
56	ENG3130	Nghiên cứu văn hóa & truyền thông: Lịch sử, lý thuyết và đường hướng nghiên cứu *Cultural Studies & Media Studies: Histories, Theories and Approaches*	3	27	15	3	T.Anh
57	ENG3131	Dự án nghiên cứu học thuật *Academic Research Practicum*	3	27	15	3	T.Anh
58	ENG3136	Di cư và các cộng đồng xuyên quốc gia *Migration Studies & Transnational Communities*	3	27	15	3	T.Anh
59	ENG3132	Các lịch sử báo chí và truyền thông *Histories of Journalism and Media*	3	27	15	3	T.Anh
V.2	**Tự chọn**		**21**				
V.2.1 Nhóm học phần Ngôn ngữ &Văn hóa			***3/15***				
60	ENG2059	Ngữ pháp chức năng *Functional grammar*	3	27	15	3	T.Anh
61	ENG3062	Phiên dịch *Interpretation*	3	27	15	3	T.Anh
62	ENG3030	Biên dịch *Translation*	3	27	15	3	T.Anh
63	ENG3101	Phong cách học tiếng Anh *Stylistics*	3	27	15	3	T.Anh
64	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu *World Englishes*	3	27	15	3	T.Anh
V.2.2 Nhóm học phần Báo chí và Truyền thông			**9/15**				
65	ENG3133	Nghiên cứu, xây dựng và quản lý dự án truyền thông và marketing *Researching, Designing & Managing Media & Marketing Projects*	3	27	15	3	T.Anh
66	ENG3134	Thực hành xây dựng và quản lý dự án truyền thông và marketing *Designing and Managing Media & Marketing Projects: Practicum*	3	15	27	3	T.Anh
67	ENG3135	Văn học thiếu nhi *Children's Literature*	3	27	15	3	T.Anh
68	ENG3122	Ngôn ngữ học truyền thông *Media Linguistics*	3	27	15	3	T.Anh
69	ENG3125	Kỹ năng giao tiếp trong thời đại số *Communication Skills in Digital age*	3	27	15	3	T.Anh
V.2.3 Nhóm học phần Phát triển toàn cầu			***9/15***				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
70	ENG3128	Nghiên cứu, xây dựng và quản lý dự án xã hội *Researching, Designing & Managing Social Projects*	3	27	15	3	T.Anh
71	ENG3129	Thực hành xây dựng và quản lý dự án xã hội *Designing & Managing Social Projects: Practicum*	3	15	27	3	T.Anh
72	ENG3105	Giáo dục quốc tế và so sánh *International and Comparative Education*	3	27	15	3	T.Anh
73	ENG3104	Chính sách và thể chế quốc tế *International Policies & Institutions*	3	27	15	3	T.Anh
74	ENG3034B	Các chủ đề trong nghiên cứu Đông Nam Á *Topics in Southeast Asian Studies*	3	27	15	3	T.Anh
V.3 Thực tập - Khóa luận tốt nghiệp			**9**				
75	ENG4001	Thực tập *Internship*	3				T.Anh
76	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các HP thay thế KLTN *Graduation Project or Alternative Subject(s)*	6				T.Anh
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			**138**				

Ghi chú:
T.Anh: Ngôn ngữ Tiếng Anh
T. Việt: Ngôn ngữ Tiếng Việt
T. Pháp: Tiếng Pháp
T. TQuốc: Tiếng Trung Quốc
T. Đức: Tiếng Đức
T. Nhật: Tiếng Nhật
T. Hàn: Tiếng Hàn
T. Thái: Tiếng Thái